

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỤ Y TRUNG ƯƠNG I

Địa chỉ: Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	82,500,000,000	278,962,752	(130,000)	304,406,186	(200,324,718,467)	(117,241,479,529)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7,957,445,344	7,957,445,344
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	82,500,000,000	278,962,752	(130,000)	304,406,186	(192,367,273,123)	(109,284,034,185)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	59,999,690,000	115,119,984,904	-	-	672,664,113	175,792,339,017
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối 30/06/2021	142,499,690,000	115,398,947,656	(130,000)	304,406,186	(191,694,609,010)	66,508,304,832

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	ngày 31/03/2022		Ngày 01/01/2021	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi
Bà Nguyễn Thị Hương	6,702,490,000	6,702,490,000	6,702,490,000	-
Bà Bùi Thị Giang	4,048,500,000	4,048,500,000	4,048,500,000	-
Ông Phạm Cao Bằng	4,046,010,000	4,046,010,000	4,046,010,000	-
Bà Nguyễn Thị Hoạt	4,043,090,000	4,043,090,000	4,043,090,000	-
Bà Văn Thị Xuân	4,042,500,000	4,042,500,000	4,042,500,000	-
Ông Nguyễn Văn Châu	4,042,500,000	4,042,500,000	4,042,500,000	-

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

	ngày 31/03/2022			Ngày 01/01/2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Ông Thân Hoài Nhân	4,184,490,000	4,184,490,000	-	4,184,490,000	4,184,490,000	-
Ông Lê Văn Năm	3,947,500,000	3,947,500,000	-	3,947,500,000	3,947,500,000	-
Ông Lê Anh Tuấn	3,554,990,000	3,554,990,000	-	3,554,990,000	3,554,990,000	-
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	4,042,000,000	4,042,000,000	-	4,042,000,000	4,042,000,000	-
Ông Đào Mạnh Hiếu	4,042,000,000	4,042,000,000	-	4,042,000,000	4,042,000,000	-
Lê chí Cường	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000	10,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ngân hàng TMCPCCT Việt Nam	40,000,000,000	40,000,000,000	-	40,000,000,000	40,000,000,000	-
Các cổ đông khác	45,803,620,000	45,803,620,000	-	45,803,620,000	45,803,620,000	-
Cổ phiếu quỹ	(130,000)	(130,000)	-	(130,000)	(130,000)	-
Cộng	142,499,560,000	142,499,560,000	-	142,499,560,000	142,499,560,000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận 85,803,490,000.00

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
+ Vốn góp đầu năm
+ Vốn góp tăng trong kỳ
+ Vốn góp giảm trong kỳ
+ Vốn góp cuối kỳ
Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	ngày 31/03/2022	Ngày 01/01/2021
	142,499,690,000	142,499,690,000
	-	-
	142,499,690,000	142,499,690,000
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

Cổ phiếu:

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14,249,969	14,249,969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14,249,969	14,249,969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14,249,969</i>	<i>14,249,969</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13</i>	<i>13</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,249,956	14,249,956
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14,249,956</i>	<i>14,249,956</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

(*) Các cổ phiếu quỹ phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần Từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty năm 2014, Đây là số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị khi thực hiện chia cổ phiếu theo tỷ lệ đã được đại hội cổ đông thông qua,

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Quỹ đầu tư phát triển	304,406,186	304,406,186

Mục đích trích lập các quỹ:

+ *Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,261,363,637	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1,261,363,637</i>	
<i>Doanh thu khác</i>		
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,261,363,637	-
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>		
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>1,261,363,637</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	48,172,797	
Cộng	-	-

22. Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Lãi tiền vay		
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
TRích lập / (Hoàn nhập) CF dự phòng giảm giá đầu tư	-	-
Cộng	-	-

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí nhân công</i>	157,701,969	163,925,725
<i>Chi phí đồ dùng, vật liệu</i>	-	2,150,000
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	32,055,192	99,999,807
<i>Chi phí thuê, phí lệ phí</i>	173,687,258	5,000,000
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	34,992,914	37,665,297
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	65,868,447	104,234,910
Cộng	464,305,780	412,975,739
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí nhân công</i>	-	-
<i>Chi phí đồ dùng, vật liệu</i>	-	-
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	43,291,109	53,310,608
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	-	-
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	-	-
Cộng	43,291,109	53,310,608
Thu nhập từ HĐTC		
Lãi tiền gửi cho vay	737,944,423	20,658,291
Cộng	737,944,423	20,658,291

24. Thu nhập khác và chi phí khác

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
<i>Thu nhập khác</i>	-	-
Thu nhập khác		
<i>Chi phí khác</i>	33,000,000	-
Thu lao HĐQT và BKS	33,000,000	-
Cộng	(33,000,000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH năm nay	-	-
Cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	1,410,538,374	481,408,891
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(704,874,261)	
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>33,000,000</u>	<u>-</u>
Chi phí lãi vay không hợp lý theo NĐ 68/2020/NĐ-CP		
Các khoản chi không được khi xác định thuế TNDN	33,000,000	
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(737,874,261)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	(737,874,261)	
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	705,664,113	481,408,891
Lỗ năm trước chuyển sang	(705,664,113)	481,408,891
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	
<i>Thu nhập chịu thuế từ chuyển quyền sử dụng đất tại DN (trên sổ)</i>	-	
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Điều chỉnh khác	-	
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	
Chi phí nhân công	157,701,969	163,925,725
Chi phí khấu hao TSCĐ	123,519,098	2,150,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208,680,172	153,310,415
Chi phí khác bằng tiền	65,868,447	5,000,000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	37,665,297
Cộng	555,769,686	362,051,437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 31/03/2022, Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 (công ty con), các cổ đông và các thành viên Ban quản trị được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Tiền lương trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
Tiền lương và phụ cấp	-	1,454,879
Cộng	-	1,454,879

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
I. Phải thu khách hàng			
II. Phải trả người bán			
III. Các giao dịch khác			
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	Công ty con		
+ Cho vay		300,000,000	
+ Thu hồi tiền phải thu			6,648,000,000
ương I tại Đà Nẵng	Chi nhánh của công ty mẹ		
+ Trả tiền cho Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1			

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
I. Phải thu khách hàng dài hạn		14,793,129,132	14,793,129,132
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	14,793,129,132	14,793,129,132
II. Phải thu khách hàng ngắn hạn		-	-
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	-	-
III. Phải thu khác		24,182,740,883	18,005,867,168
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	Công ty con	24,182,740,883	18,005,867,168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
IV. Phải trả người bán		7,670,504,266	8,495,551,459
Công ty TNHH Thuốc Thủ Y TW I	Công ty con	7,670,504,266	8,495,551,459
V. Vay			
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc		13,368,312,326
VI. Chi phí phải trả			
Ông Lê Đức Liên			817,430,000
VII. Phải trả khác		700,000,000	800,000,000
Ông Nguyễn Anh Tuấn		700,000,000	800,000,000

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ, hàng hóa với các bên liên quan thoả thuận,

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng

yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và số liệu trích từ báo cáo ngày 31/03/2021

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022



NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

Người lập



NGUYỄN THỊ THU HÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị